

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3100399418

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 09 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 21 tháng 02 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
LONG GIANG THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG GIANG THINH INVESTMENT AND
CONSULTANT JOINT-STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LOGITICO., JSC.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Lệ Kỳ I, Xã Vĩnh Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Điện thoại: 052.3604648

Fax:

Email: longgiangthinh@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ VĂN THO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/07/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 044074014884

Ngày cấp: 23/11/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn Thượng, Xã Võ Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình,
Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Thượng, Xã Võ Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình,
Việt Nam*

cecler



Nguyễn Văn Hiếu

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Số: 5610828721

Chứng nhận lần đầu: Ngày 21 tháng 01 năm 2008

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 7 tháng 10 năm 2015

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 25/2010/QĐ-UB ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 29121000025, chứng nhận lần đầu ngày 21/1/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 26/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Hồ sơ và Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư số 27/CV-LGT ngày 12/8/2015 của Chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số: 2723/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất tinh bột dong riêng xuất khẩu Long Giang tại xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh của CTCP Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh,

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG BÌNH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH BỘT DONG RIÊNG XUẤT KHẨU LONG GIANG

Giấy chứng nhận đầu tư số 29121000025 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình chứng nhận lần đầu ngày 21/1/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 26/8/2009; được đăng ký điều chỉnh tên Dự án, thông tin về Nhà đầu tư, mục tiêu và quy mô Dự án; tổng vốn đầu tư Dự án.

Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3100399418 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/9/2007, chứng nhận thay đổi lần 2 ngày 20/11/2009

- Địa chỉ trụ sở chính : xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Thơ, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1974, quốc tịch: Việt Nam; chứng minh nhân dân số: 194535413 cấp ngày 8/9/2014 tại Công an tỉnh Quảng Bình, địa chỉ thường trú tại thôn Thượng, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, chỗ ở hiện nay tại thôn Thượng, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, chức vụ: Giám đốc



Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với những nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư mở rộng sản xuất Nhà máy tinh bột Long Giang

2. Mục tiêu và Quy mô của dự án:

Mục tiêu của dự án: Sản xuất, chế biến các sản phẩm tinh bột. Trong đó:

+ Sản xuất tinh bột dong riêng: 3.600 tấn/năm

+ Sản xuất tinh bột sắn: 15.000 tấn/năm

+ Sản xuất tinh bột sắn dây: 350 tấn/năm

+ Sản xuất tinh bột nghệ: 100 tấn/năm

+ Sản xuất tinh bột biến tính: 5.000 tấn/năm

3. Địa điểm đầu tư: xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

4. Diện tích sử dụng đất: 100.121 m²

5. Tổng vốn đầu tư: 79.038 triệu đồng (Bảy mươi chín tỷ, không trăm ba mươi tám triệu đồng)

Trong đó: + Vốn doanh nghiệp: 12.000.000.000 đồng

+ Vốn vay và huy động khác: 67.038.000.000 đồng

6. Thời gian hoạt động dự án: 50 năm (đến ngày 2/11/2059)

7. Tiến độ đầu tư dự án: Dự án hoàn thành sau 18 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.

Điều 2: Các ưu đãi hỗ trợ đầu tư: Dự án đầu tư được hưởng các chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định của Chính phủ và chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

- Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

- Nhà đầu tư thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ; chịu trách nhiệm cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sẽ bị thu hồi trong trường hợp dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 1, Điều 48 của Luật Đầu tư.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 29121000025 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình chứng nhận lần đầu ngày 21/1/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 26/8/2009

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình.

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

Lê Văn Phúc



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2723 / QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 15 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Về việc điều chỉnh dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất tinh bột dong riêng xuất khẩu Long Giang tại xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh của CTCP Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06/6/2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh;

Căn cứ Văn bản số 4326/BKHĐT-DTNN, Văn bản số 4366/BKHĐT-PC ngày 30/6/2015 và Văn bản số 5122/BKHĐT-PC ngày 24/7/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về triển khai thi hành Luật Đầu tư;

Căn cứ nội dung thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1273/STNMT-PC ngày 26/8/2015; Sở Xây dựng tại Văn bản số 2513/SXD-PTĐT ngày 8/9/2015; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1387/SNN-KHTC ngày 24/08/2015 và UBND huyện Quảng Ninh tại Văn bản số 538/UBND ngày 18/9/2015.

Xét Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư số 27/CV-LGT ngày 12/8/2015 của Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Long Giang Thịnh;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 1402/KHĐT-KTTTTN ngày 23/09/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3100399418 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/9/2007, chứng nhận thay đổi lần 2 ngày 20/11/2009.

- Địa chỉ trụ sở chính : xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Thọ, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1974, quốc tịch: Việt Nam; chứng minh nhân dân số: 194535413 cấp ngày 8/9/2014 tại Công an tỉnh Quảng Bình, địa chỉ thường trú tại thôn Thượng, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, chỗ ở hiện nay tại thôn Thượng, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; chức vụ: Giám đốc

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

- 1. Tên dự án đầu tư:** Đầu tư mở rộng sản xuất Nhà máy tinh bột Long Giang
- 2. Mục tiêu và Quy mô của dự án:**

Mục tiêu của dự án: Sản xuất, chế biến các sản phẩm tinh bột. Trong đó:
+ Sản xuất tinh bột dong riêng: 3.600 tấn/năm

- + Sản xuất tinh bột sắn: 15.000 tấn/năm
- + Sản xuất tinh bột sắn dây: 350 tấn/năm
- + Sản xuất tinh bột nghệ: 100 tấn/năm
- + Sản xuất tinh bột biến tính: 5.000 tấn/năm

3. Địa điểm đầu tư: xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

4. Diện tích sử dụng đất: 100.121 m²

5. Tổng vốn đầu tư: 79.038 triệu đồng (Bảy mươi chín tỷ, không trăm ba mươi tám triệu đồng)

Trong đó: + Vốn doanh nghiệp: 12.000 triệu đồng

+ Vốn vay và huy động khác: 67.038 triệu đồng

6. Thời gian hoạt động dự án: 50 năm (đến ngày 2/11/2059)

7. Tiến độ đầu tư dự án: Dự án hoàn thành sau 18 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành của Chính phủ và của tỉnh.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

Sau khi chủ trương đầu tư dự án được UBND tỉnh phê duyệt, yêu cầu chủ đầu tư phải thực hiện một số vấn đề sau:

- Thực hiện thủ tục phê duyệt lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ.

- Việc đầu tư xây dựng mới hệ thống công trình cấp nước phục vụ sản xuất của nhà máy với chiều dài khoảng 1.400m, lấy nước từ sông Lê Kỳ phải được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép đầu nối. Chi giới xây dựng tuyến ống phải phù hợp với quy hoạch nông thôn mới xã Vĩnh Ninh đã được phê duyệt.

- Đối với hệ thống thoát nước thải, trong quá trình lập dự án cần có phương án thiết kế hệ thống đồng bộ gồm thu gom, xử lý.. nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường; công nghệ xử lý nước thải cần đảm bảo theo quy định tại Điều 16, Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ; chịu trách nhiệm cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 4. Quyết định này được lập thành 03 bản. Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản gửi sở Kế hoạch và Đầu tư, 01 bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu VT, KTTH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài

QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20/5/1998;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh ngày 04 tháng 8 năm 2010 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 328/TTTr-TNMT ngày 12 tháng 8 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh tại thôn Lệ Kỳ I, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình được khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng: Cấp nước cho Nhà máy sản xuất tinh bột Dong riềng xuất khẩu Long Giang và nước sinh hoạt cho cán bộ CNV.
2. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Sông Lệ Kỳ.
3. Vị trí khai thác nước mặt: Thôn Lệ Kỳ I, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

Toạ độ vị trí khai thác theo hệ toạ độ VN - 2000, múi chiếu 6° kinh tuyến trục (Lo) 105° được xác định trên tờ bản đồ địa hình E-48-70-A, tỷ lệ 1/25.000 được xác định: X = 1926.094 ; Y = 668.942

4. Lượng nước khai thác, sử dụng: 400 - 420 m³/ngày đêm.

5. Phương thức khai thác, sử dụng:

- Công trình khai thác, sử dụng: Trạm bơm công suất 30 m³/giờ;
- Chế độ khai thác, sử dụng nước: 24 giờ/ngày.

6. Thời hạn khai thác, sử dụng: 15 năm, kể từ ngày ký quyết định cấp giấy phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh:

1. Nộp lệ phí cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt; nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng nước mặt theo quy định của pháp luật;

2. Bảo vệ nguồn nước tại khu vực khai thác, phòng chống ô nhiễm trên lưu vực sông; thực hiện khai thác hợp lý trên cơ sở quy trình vận hành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, yêu cầu duy trì dòng chảy tối thiểu trên lưu vực sông;

3. Thực hiện việc quan trắc, theo dõi diễn biến dòng chảy trên sông Lê Kỳ; định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 báo cáo kết quả quan trắc, tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng nước;

4. Bảo đảm vận hành công trình an toàn, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường sinh thái;

5. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước; nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường lưu vực sông Lê Kỳ và sự ổn định của công trình. Công ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan quản lý tài nguyên nước để có biện pháp xử lý;

6. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân mà cơ quan quản lý nhà nước cho phép thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, điều tra, đánh giá nguồn nước tại khu vực đã được cấp phép của mình;

7. Không được tự ý tháo dỡ, phá huỷ công trình, thiết bị thuộc sở hữu toàn dân liên quan đến khai thác, sử dụng nước mặt, phục hồi môi trường và đất đai theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh được hưởng các quyền lợi hợp pháp theo quy định tại Điều 17, Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Quảng Ninh, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Ninh, Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Cục Quản lý TN&M;
- Lưu: VT, CV TN&M.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Quang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 54/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG

Nhà máy sản xuất tinh bột dong riềng xuất khẩu Long Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/04/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và Quản lý Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 5321/QĐ-UBND ngày 07/8/2009 của UBND huyện Quảng Ninh về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết sử dụng đất khu vực xây dựng Nhà máy sản xuất tinh bột dong riềng xuất khẩu Long Giang;

Theo đề nghị của trưởng phòng Công Thương huyện Quảng Ninh tại Báo cáo thẩm định số 59/BCTĐ-CT ngày 1/8/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất tinh bột dong riềng xuất khẩu Long Giang như sau:

1. Tên Quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sản xuất tinh bột dong riềng xuất khẩu Long Giang.

2. Địa điểm xây dựng: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Phía Đông Bắc: Giáp đất trồng rừng sản xuất;

- Phía Tây Nam: Giáp tuyến đường dân sinh;

- Phía Tây: Giáp sông Lệ Kỳ;

- Phía Tây Bắc: Giáp Lũy Thầy (Lũy Đào Duy Từ), ranh giới khu đất cách chân đê Lũy Thầy phía Đông Nam là 15 m;

- Phía Đông Nam: Giáp đất trồng rừng sản xuất.

3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Long Giang Thịnh.

4. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, thực hiện dự án.

5. Cơ cấu sử dụng đất:

- Loại đất: Đất Lâm nghiệp đã được đền bù, GPMB theo quy hoạch chi tiết sử dụng đất để xây dựng nhà máy sản xuất tinh bột dong riềng xuất khẩu Long Giang.

- Diện tích quy hoạch: 100.121 m².

(Bảng chữ: Một trăm nghìn, một trăm hai mươi một mét vuông).
Bao gồm:

TT	Phân khu chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)
1	Đường vào nhà máy, trạm biến áp, đường dây cáp điện thuộc khuôn viên nhà máy	5.620
2	Khu vực hành lang tuyến cáp điện cho nhà máy	2.129
3	Khu vực nhà ở tập thể, nhà ăn, khu dịch vụ, sân bóng chuyền	3.212
4	Khu vực nhà điều hành, nhà máy, nhà kho, xưởng sửa chữa, sân nguyên liệu	11.740
5	Khu vực bể DIGESTER	9.128
6	Khu xử lý cấp nước, trạm bơm cấp nước 01, trồng cây xanh tạo cảnh quan	2.479
7	Khu xử lý chất thải rắn số 01	9.186
8	Khu xử lý chất thải rắn số 02, trạm bơm cấp nước 02	11.874
9	Khu hồ xử lý nước thải, cống tiêu, mương thoát nước thải	30.580
10	Khu vực bể chứa nước, trồng cây xanh tạo cảnh quan, sinh thái	11.673
11	Diện tích các công trình hạ tầng kỹ thuật trong nhà máy	2.500
	Cộng:	100.121

6. Không gian kiến trúc:

Bao gồm các phân khu chức năng (có bản đồ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 kèm theo).

7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Đường vào nhà máy: Đầu nối với đường Hồ Chí Minh tại Km993+920. Quy mô xây dựng tuyến đường như sau:

Chiều dài tuyến 350m; bề rộng nền đường 15m; mặt đường bằng bê tông xi măng M250 rộng 8m; lề đường đắp đất cấp phối mỗi bên rộng 2m.

7.2. Hệ thống nhà điều hành, nhà ăn - dịch vụ và nhà ở tập thể:

Bao gồm các tòa nhà một tầng; kết cấu móng, cột, dầm bằng BTCT, mái lợp tôn, nền lát gạch Ceramic, tường xây gạch, trần BTCT, tường bả ma tít sơn 3 nước, cửa kính khung nhôm. Hệ thống điện, nước và chống sét hoàn chỉnh; hệ thống nhà vệ sinh khép kín.

7.3. Hệ thống nhà máy, lò đốt than, nhà kho, xưởng sửa chữa:

Kết cấu móng bằng bê tông và BTCT; nền bằng bê tông; kết cấu khung thép hình liên kết hàn và bu lông, trụ thép cao 6m, đỉnh mái cao 12,5m; kết cấu mái và bao che bằng tôn thép.

Hệ thống điện, nước, chống sét và phòng chống chữa cháy hoàn chỉnh.

7.4. Hệ thống sân bãi, thoát nước mặt, đường nội bộ: Hệ thống sân bãi, đường nội bộ loại 8m và 4m có kết cấu bằng bê tông M250. Hệ thống thoát nước mặt có nắp dây bằng tấm đan BTCT M200.

7.5. Đường dây cáp điện cho nhà máy: Đầu nối tại khoảng giữa cột số 72 và 73/xuất tuyến 472 - ĐZ 22 KV thuộc địa phận thôn Lê Kỳ I, xã Vĩnh Ninh. Quy mô xây dựng tuyến đường dây cáp điện như sau:

Chiều dài tuyến 1.200m; hành lang bảo vệ tuyến đường dây đoạn đi qua đất trồng cây hàng năm từ tím tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn đi qua đất trồng rừng sản xuất từ tím tuyến ra mỗi bên 5m. Trạm biến áp nằm trong khuôn viên nhà máy.

7.6.-Đường dây cáp điện nội bộ và điện chiếu sáng: Đường dây cáp điện 0,4 KV trụ BTLT kết hợp bố trí hệ thống điện chiếu sáng.

7.7. Hệ thống cấp nước sinh hoạt và sản xuất:

Nguồn nước mặt được lấy trên sông Lê Kỳ. Xây dựng hệ thống trạm bơm cấp nước, khu xử lý nước cấp, bể chứa nước và đường ống dẫn nước.

Nước ngầm được khoan giếng để khai thác đảm bảo cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất.

7.8. Hệ thống xử lý nước thải và tiêu thoát nước thải:

Hệ thống công trình xử lý nước thải bao gồm: hệ thống đường dẫn nước thải, cống rãnh; cụm công trình bể DIGESTER có dung tích chứa 20.000m³; hệ thống hồ sinh học xử lý nước thải có tổng dung tích chứa 90.000m³; đê bao hồ xử lý nước thải đắp đất cao trung bình 8m, hệ số mái m = 2, đỉnh đê rộng 5m; cống tiêu và mương thoát nước thải dọc đê bao ra sông Lê Kỳ. Nước thải ra sông Lê Kỳ đạt tiêu chuẩn TCVN 5945-2005.

7.9. Trong khuôn viên nhà máy quy hoạch bố trí các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khác, như: công vào nhà máy, tường rào, sân chơi bóng chuyền, bồn hoa, thiên đài, trại chăn nuôi, nhà vệ sinh công nghiệp, các khu xử lý chất thải rắn, các khu vực trồng cây xanh, cây lấy gỗ nhằm tạo cảnh quan và đảm bảo môi trường sinh thái trong khu vực...

8. Xử lý môi trường:

Tuân thủ báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

9. Thông tin liên lạc:

Trong khu vực đã có phủ sóng thông tin di động, truyền thanh truyền hình.

10. Thời gian thực hiện Quy hoạch: Năm 2009.

Điều 2: Giao cho Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Long Giang Thịnh tiến hành cắm mốc giới, công bố Quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết và thực hiện, đồng thời tiến hành triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3: Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng Công Thương, Tài nguyên-Môi trường, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Ninh, Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Long Giang Thịnh và thủ trưởng các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hải Châu

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án: Đầu tư mở rộng sản xuất Nhà máy tinh bột Long Giang
của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét Biên bản của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất Nhà máy tinh bột Long Giang” của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh, họp ngày 04 tháng 3 năm 2016;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất Nhà máy tinh bột Long Giang” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 12/Tr-LGT ngày 19 tháng 4 năm 2016 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 706/STNMT-CCMT ngày 26 tháng 4 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất Nhà máy tinh bột Long Giang” (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Vị trí dự án: Tại xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Quy mô, công suất của dự án: Sản xuất, chế biến các sản phẩm tinh bột 24.050 tấn/năm. Trong đó:
 - + Sản xuất tinh bột đóng riêng: 3.600 tấn/năm

- + Sản xuất tinh bột sắn: 15.000 tấn/năm
- + Sản xuất tinh bột sắn dầy: 350 tấn/năm
- + Sản xuất tinh bột nghệ: 100 tấn/năm
- + Sản xuất tinh bột biến tính: 5.000 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Các yêu cầu về thiết kế, xây dựng và hoạt động của dự án phải tuân theo Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan đến hoạt động của dự án. Đảm bảo các phân khu chức năng, xây dựng các hạng mục công trình của nhà máy theo đúng thiết kế quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại, chất thải rắn, nước thải, mùi hôi... nhằm đảm bảo các hoạt động của dự án không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

2.3. Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; yêu cầu các hồ/bể trong hệ thống xử lý nước thải (trừ hồ chỉ thị sinh học) và các bể chứa bã thải phải được xử lý chống thấm đảm bảo không để nước thải thấm vào đất gây ô nhiễm tầng nước ngầm; tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn tại khu vực hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo an toàn cho công nhân vận hành.

2.4. Chất thải rắn trong quá trình hoạt động của dự án phải được thu gom, xử lý kịp thời. Tại các hồ chứa bã thải phải được phủ bạt nhằm giảm thiểu nước mưa xâm nhập và khuếch tán mùi hôi ra môi trường xung quanh. Tăng cường chế phẩm vi sinh (chế phẩm vi sinh phải được phép lưu hành theo quy định pháp luật) để xử lý bã thải nhằm giảm thiểu tác động của khí thải phát sinh gây ô nhiễm môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

2.5. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công và hoạt động của dự án phải được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.6. Trang bị đồng bộ hệ thống phòng cháy, chữa cháy, đảm bảo cho công tác phòng cháy, chữa cháy khi có sự cố cháy xảy ra; lập lại hồ sơ phòng cháy, chữa cháy trình cấp có thẩm quyền thẩm duyệt trước khi triển khai xây dựng và hoạt động của dự án.

2.7. Đảm bảo diện tích cây xanh theo quy hoạch đã được phê duyệt, tăng cường trồng vành đai cây xanh quanh hàng rào nhà máy, chọn chủng loại cây xanh phù hợp với tính chất hoạt động của dự án và điều kiện tự nhiên khu vực.

2.8. Lập hồ sơ xin cấp phép khai thác nước phục vụ sản xuất và xả thải vào nguồn nước tiếp nhận theo đúng quy định của Luật Tài nguyên nước.

2.9. Niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện dự án về các loại chất thải, công nghệ xử lý, thông số tiêu chuẩn về chất thải, các giải pháp bảo vệ môi trường để cộng đồng dân cư biết, kiểm tra và giám sát.

2.10. Trong quá trình thực hiện, chủ dự án phải phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

2.11. Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.12. Báo cáo UBND huyện Quảng Ninh về nội dung Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Lập và niêm yết bản tóm tắt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại trụ sở UBND xã Vĩnh Ninh nơi có dự án.

2.13. Chủ dự án phải lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp sau đây:

a) Không triển khai dự án trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Thay đổi địa điểm thực hiện dự án so với phương án trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt;

c) Tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Quảng Ninh, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Ninh và Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT, CVTNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty Cổ phần tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số: 3100399413
do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu,
ngày 20 tháng 9 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 19 tháng 8 năm 2009

Địa chỉ: xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 60
2. Tờ bản đồ số: 05
3. Địa chỉ thửa đất: xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
4. Diện tích: 100121,0 m²
(Bằng chữ: Một trăm nghìn một trăm hai mươi một mét vuông)
5. Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: 100121,0 m²
 - + Sử dụng chung: không m²
6. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất nông nghiệp
7. Thời hạn sử dụng đất: Đến tháng 11 năm 2099
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

III- Tài sản gắn liền với đất

Ngày: 26-11-2010

IV- Ghi chú

Số 1152/Quyết định Số... UBND CT/BS



Nguyễn Bá Trọng



Tỷ lệ 1:5000

Ngày 10 tháng 11 năm 2009
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH



NGUYỄN HỮU HOÀI

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 07570

**GIẤY PHÉP XÃ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
GIÀM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh công bố thi tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh ngày 20/9/2021 và hồ sơ kèm theo; đề nghị của Trường phòng Biện, Đào và Tài nguyên nước tại Báo cáo thẩm định số 24/BC-BĐTNN ngày 28 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh, địa chỉ tại thôn Lệ Kỳ I, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Sông Lệ Kỳ nằm cách Nhà máy 150m về phía Tây tại thôn Lệ Kỳ I, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
2. Vị trí xả nước thải: Thôn Lệ Kỳ I, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Tọa độ vị trí xả nước thải thành lập theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến trục 106 độ, tỷ lệ 1:10.000: X(m) = 1926.164; Y(m) = 562.804.

3. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 63:2017/BTNMT sẽ được xả theo phương thức tự chảy qua cống xả có van đóng

mở chủ động, đường kính cống D = 0,5m sau đó theo tuyến kênh dẫn bằng đất xả từ từ ra sông Lê Kỳ.

4. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày đêm. Xả theo mùa vụ sản xuất, từ tháng 8 năm này đến hết tháng 3 năm sau, 8 tháng/1 năm (240 ngày/năm).

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 480m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Giá trị thông số, nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải nằm trong giới hạn cho phép, đạt quy chuẩn QCVN 63:2017/BTNMT (cột B với hệ số $K_q=0,9$, $K_r=1,1$) Quy chuẩn quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn (Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chế biến tinh bột sắn khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

Bảng so sánh kết quả với giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 63: 2017/BTNMT (Cột B) (C_{max} , $K_q=0,9$, $K_r=1,1$)	
				B	C_{max}
1	PH	-	7,12	5,5-9	5,5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	67	100	99
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	45,5	50	49,5
4	COD	mg/l	116,6	250	247,5
5	Tổng Nito (tính theo N)	mg/l	21,6	80	79,2
6	Tổng Xianna (CN ⁻)	mg/l	<0,002	0,1	0,099
7	Tổng Phốtpho (tính theo P)	mg/l	3,48	20	19,8
8	Coliforms	MPN/100ml	3.600	5.000	5.000

7. Thời hạn cấp giấy phép là năm (05) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Lắp đặt thiết bị đo lưu lượng, quan trắc chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý, chất lượng nước khu vực tiếp nhận nước thải của sông Lê Kỳ tại thôn Lê Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh; chất lượng nước thải sau xử lý phải nằm trong giới hạn theo QCVN 63:2017/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về nước thải chế biến tinh bột sắn (Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chế biến tinh bột sắn khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

- Vị trí quan trắc nước thải: Trước và sau khi xử lý; quan trắc các thông số: pH, Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅(20°C), COD, tổng Nitơ, Phốtpho, Tổng Xianua và Coliforms.

- Vị trí quan trắc nước mặt sông Lê Kỳ tại khu vực tiếp nhận nguồn nước thải; quan trắc các thông số gồm: pH, DO, Chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng Nitơ (tính theo N), Phốtpho (tính theo P), Tổng Xianua (CN) và Coliforms.

Tần suất quan trắc: Đối với nước thải 03 tháng/lần; đối với nước sông Lê Kỳ khu vực tiếp nhận nước thải 06 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

3. Hằng năm trước ngày 31 tháng 12, tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012.

Điều 3. Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh được hưởng các quyền lợi hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số 253/GP-STNMT ngày 28/10/2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cơ CP TVBT Long Giang Thịnh;
- UBND tỉnh; (đề b/cáo)
- Cục Quản lý TNN;
- UBND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Vinh Ninh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, BDTNN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Lương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 216/2024/HDKT/SBU23-LGT

V/v: thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/ND-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ về “Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;
- Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường, quy định về “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”
- Theo nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 06 năm 2024 tại Văn phòng Công ty Cổ Phần Cơ Điện Môi Trường Lilama, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ LONG GIANG THỊNH.

Địa chỉ : Thôn Lê Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, VN.
Điện thoại : 052.3604648 Fax : 0256.3841992
Mã số thuế : 31003999418
Đại diện Ông : Lê Văn Thơ Chức vụ: Giám Đốc

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ – ĐIỆN – MÔI TRƯỜNG LILAMA
(LILAMA EME)

Địa chỉ : Khu dịch vụ công cộng, khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông - huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi.
Điện thoại : 0255.3908008 - Fax: 0255.3908002
Số tài khoản : 5730066488 tại Ngân hàng: BIDV - Chi nhánh Dung Quất.
Mã số thuế : 4300357921.

Đại diện Ông : Huỳnh Vĩnh Phúc. Chức vụ: Giám đốc KINH

Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng này với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: PHẠM VI CÔNG VIỆC

- 1.1 Bên A giao cho Bên B thực hiện dịch vụ:
- Vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý các chất thải nguy hại (CTNH) mà bên A là chủ nguồn thải.
 - Danh sách chất thải được thể hiện trong mục 3.2.
 - Địa điểm giao nhận tại: Thôn Lê Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Số: 23/HĐ-VCR

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 7 năm 2024

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN RÁC THẢI

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
 - Căn cứ Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện Quảng Ninh Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các CTCC huyện Quảng Ninh;
 - Căn cứ Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh;
 - Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu của 02 bên;
- Hôm nay, ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Ban quản lý các CTCC huyện Quảng Ninh, chúng tôi gồm có:

I - Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh (Bên A)

Địa chỉ: Thôn Lê Kỳ 1 - xã Vĩnh Ninh - Huyện Quảng Ninh - Tỉnh Quảng
Binh

Tài khoản: 140140686868 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Quảng Bình

Mã số thuế: 3100399418

Điện thoại: 0913 457 907

Đại diện Ông: Lê Văn Thơ;

Chức vụ: Giám đốc

II – Ban Quản lý các công trình công cộng huyện Quảng Ninh (Bên B)

Địa chỉ: TDP Trung Trinh - Thị trấn Quán Hâu - Huyện Quảng Ninh- Tỉnh
Quảng Bình

Tài khoản: 122000087545 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam –
Chi nhánh Quảng Bình.

Mã số thuế: 3100 289 006

Điện thoại: 0916.326.345 (A.Tuyên);

Đại diện Ông: Trần Văn Tuyên;

Chức vụ: Trưởng ban

Đã tiến hành bàn bạc và thỏa thuận ký kết hợp đồng vận chuyển rác tại Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh, với những nội dung như sau:

Điều 1: Những nội dung chính

- Bên A thuê bên B thực hiện dịch vụ vận chuyển, thu gom rác của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh từ trụ sở công ty về bãi rác chung của huyện hoặc Nhà máy xử lý rác thải tại huyện Bố Trạch;

Số: 30 /TNK - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số: 1/3

No:

TEST REPORT

Page:

- Tên mẫu:** Môi trường không khí.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
- Vị trí quan trắc:** 03.
- Kí hiệu:** K₁ - K₃.
- Ngày nhận mẫu:** 23/5/2023.
- Ngày phân tích:** 23/5 - 02/6/2023.
- Kết quả:**

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả		
				K ₁	K ₂	K ₃
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	34	34	35
2	CO	HD-TN-CO	µg/m ³	< 3.000	3.453	3.197
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/m ³	64,4	79,8	76,7
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/m ³	39,5	48,1	44,8
5	Tổng Bụi lơ lửng	TCVN 5067: 1995	µg/m ³	69	55	67

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.

- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí quan trắc:

- K₁(K₃₀₈): Tại khu vực tập kết nguyên liệu của Nhà máy;
- K₂(K₃₀₉): Tại khu vực rửa củ và giã;
- K₃(K₃₁₀): Tại khu vực văn phòng.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory



Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 6 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
CHIEF DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

Số: 30 /TNK - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số: 2/3

No:

TEST REPORT

Page:

- Tên mẫu:** Môi trường không khí.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2023
tại Nhà máy tinh bột Long Giang
- Vị trí quan trắc:** 03.
- Kí hiệu:** K₄ - K₆.
- Ngày nhận mẫu:** 23/5/2023.
- Ngày phân tích:** 23/5 - 02/6/2023.
- Kết quả:**

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả		
				K ₄	K ₅	K ₆
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	36	37	37
2	CO	HD-TN-CO	µg/m ³	3.494	< 3.000	< 3.000
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/m ³	86,4	65,0	61,5
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/m ³	36,3	42,5	38,1
5	Tổng Bụi lơ lửng	TCVN 5067: 1995	µg/m ³	51	52	70

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.

- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí quan trắc:

- K₄(K₃₁₁): Tại khu dân cư gần nhất về phía Đông Nam nhà máy;
- K₅(K₃₁₂): Tại khu vực mái nghiêng tinh;
- K₆(K₃₁₃): Tại khu vực ống khói lò sấy.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory



Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 6 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

Số: 90 /TNK - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số: 3/3

No:

TEST REPORT

Page:

- Tên mẫu:** Môi trường không khí.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
- Vị trí quan trắc:** 03.
- Kí hiệu:** K₇ - K₉.
- Ngày nhận mẫu:** 23/5/2023.
- Ngày phân tích:** 23/5 - 02/6/2023.
- Kết quả:**

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả		
				K ₇	K ₈	K ₉
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	37	36	36
2	CO	HD-TN-CO	µg/m ³	3.130	< 3.000	< 3.000
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/m ³	74,6	64,2	56,2
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/m ³	39,9	48,4	46,7
5	Tổng Bụi lơ lửng	TCVN 5067: 1995	µg/m ³	64	68	52

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.

- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí quan trắc:

- K₇(K₃₁₄): Tại khu vực đóng bao;
- K₈(K₃₁₅): Tại khu vực sân phơi;
- K₉(K₃₁₆): Tại khu xử lý nước thải.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory



Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 6 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

Số:  /TNK- QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

Vo:

Page:

1. Tên mẫu: Tiếng ồn (Trung bình giờ)
2. Khách hàng: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ I, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
3. Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
4. Số điểm đo: 09
5. Ngày quan trắc: 19/5/2023
6. Kết quả:

TT	Vị trí	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả (dBA)	TCVN 3985:1999	QCVN 26:2010 /BTNMT
1	Tại khu vực tập kết nguyên liệu của nhà máy	TCVN 7878-2:2018	75,1	≤ 85	-
2	Tại khu vực rửa củ và giã		72,8	≤ 85	-
3	Tại khu vực văn phòng		62,3	≤ 65	-
4	Tại khu dân cư gần nhất về phía Đông Nam nhà máy		59,5	-	≤ 70
5	Tại khu vực mài nghiền tinh		72,5	≤ 85	-
6	Tại ống khói lò sấy		73,1	≤ 85	-
7	Khu vực đóng bao		71,8	≤ 85	-
8	Khu vực sân phơi		70,6	≤ 85	-
9	Khu xử lý nước thải		60,2	≤ 85	-

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm đo.

(-) Không quy định.

Trưởng phòng Quan trắc
Head of Monitor



Đinh Xuân Trường

Đồng Hới, ngày 2 tháng 6 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

Số: 236 /TNN- QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 2/2
Page:

- Tên mẫu: Nước mặt.
- Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
- Số lượng mẫu: 01.
- Ngày nhận mẫu: 23/5/2023.
- Ngày phân tích: 23/5 - 02/6/2023.
- Mẫu do khách hàng gửi:
- Mẫu do Phòng Quan trắc môi trường lấy:
- Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT			
					Giá trị giới hạn			
				M ₂	A ₁	A ₂	B ₁	B ₂
1	pH	TCVN 6492:2011		7,12	6,5-8,5	6,5-8,5	5,5-9	5,5-9
2	Ôxy hòa tan	TCVN 7325:2016	mg/l	6,63	≥ 6	≥ 5	≥ 4	≥ 2
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	mg/l	6,2	-	-	-	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	15	20	30	50	100
5	BOD ₅	SMEWW 5210D:2017	mg/l	10,6	4	6	15	25
6	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	16,6	10	15	30	50
7	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,09	0,3	0,3	0,9	0,9
8	Nitrit (tính theo N)	TCVN 6178:1996	mg/l	< 0,02	0,05	0,05	0,05	0,05
9	Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/l	0,49	2	5	10	15
10	Tổng nitơ	TCVN 6624-2:2000	mg/l	< 0,8	-	-	-	-
11	Tổng dầu mỡ*	SMEWW 5520-B:2017	mg/l	< 0,3	0,3	0,5	1	1
12	E.Coli*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	< 1,8	20	50	100	200
13	Coliform*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	170	2.500	5.000	7.500	10.000

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);
- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
- (-): Không quy định.

Vị trí lấy mẫu: - M₂ (NM₃₄₅): Nước mặt sông Lệ Kỳ cách điểm tiếp nhận nước thải khoảng 3000m về phía hạ nguồn.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 6 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

237 /TNN- QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

Page:

1. Tên mẫu: Nước thải chế biến tinh bột sắn.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vinh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
3. Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
4. Số lượng mẫu: 02.
5. Ngày nhận mẫu: 23/5/2023.
6. Ngày phân tích: 23/5 - 02/6/2023.
7. Mẫu do khách hàng gửi:
8. Mẫu do Phòng Quan trắc môi trường lấy:
9. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả		QCVN 63:2017/BTNMT Giá trị C	
				T ₁	T ₂	A	B
1	pH	TCVN 6492:2011		6,85	7,21	6-9	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	28	21	50	100
3	BOD ₅	SMEWW 5210D:2017	mg/l	4.250	11	30	50
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	8.944	16,6	75	200
5	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	9,88	0,14	-	-
6	Nitrit (tính theo N)	TCVN 6178:1996	mg/l	0,4	<0,02	-	-
7	Nitrat (tính theo N)*	US EPA Method 352.1	mg/l	1,71	1,01	-	-
8	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/l	23,65	<0,03	-	-
9	Chi	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,101	<0,002	-	-
10	Xianua	SMEWW 4500-CNC&E:2017	mg/l	0,107	<0,003	0,07	0,1
11	Tổng dầu mỡ*	SMEWW 5520-B:2017	mg/l	<0,3	<0,3	-	-
12	Coliforms*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	3.400	2.300	3.000	5.000

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);
- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
- (-): Không quy định.

Vị trí lấy mẫu: - T₁ (NT₃₄₉): Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.
- T₂ (NT₃₅₀): Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 6 năm 2023.



Đặng Minh Hoàng

Số: 238/TNN-QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/2

Page:

- Tên mẫu:** Nước dưới đất.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
- Số lượng mẫu:** 02.
- Ngày nhận mẫu:** 23/5/2023.
- Ngày phân tích:** 23/5 - 02/6/2023.
- Mẫu do khách hàng gửi:**
- Mẫu do Phòng Quan trắc môi trường lấy:**
- Kết quả phân tích:**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả		QCVN09-MT:2015/BINMT
				N ₁	N ₂	
1	pH	TCVN 6492:2011		6,98	6,82	5,5 - 8,5
2	Độ màu*	TCVN 6185:2015	mg/l Pt-Co	<3	<3	-
3	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	mg/l	91	101	500
4	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	8	9	-
5	Clorua	SMEWW 4500-Cl.B:2017	mg/l	15,3	13,8	250
6	Chi	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,002	<0,002	0,01
7	Xianua	SMEWW 4500-CN.C&E:2017	mg/l	<0,003	<0,003	0,01
8	Sunfat	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	mg/l	7	10	400
9	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/l	<0,03	<0,03	5
10	Mangan	SMEWW 3111B:2017	mg/l	<0,03	0,12	0,5
11	Thủy ngân	TCVN 7877:2008	mg/l	<0,4x10 ⁻³	<0,4x10 ⁻³	0,001
12	Fecal Coli*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	<1,8	<1,8	-
13	Coliform*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	<1,8	<1,8	3

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;

- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

- Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);

- (-): Không quy định.

Vị trí lấy mẫu: - N₁(NN₃₄₆): Nước giếng khoan trong khuôn viên Nhà máy;

- N₂(NN₃₀): Nước giếng đào nhà bà Lê Thị Diệu cách Nhà máy khoảng 150m về phía Đông Nam.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory



Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 6 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR




Đặng Minh Hoàng

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu:** Nước dưới đất.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
- Số lượng mẫu:** 01.
- Ngày nhận mẫu:** 23/5/2023.
- Ngày phân tích:** 23/5 - 02/6/2023.
- Mẫu do khách hàng gửi:**
- Mẫu do Phòng Quan trắc môi trường lấy:**
- Kết quả phân tích:**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN09-MT:2015/BINMT
				N ₃	
1	pH	TCVN 6492:2011		6,89	5,5 - 8,5
2	Độ màu*	TCVN 6185:2015	mg/l Pt-Co	< 3	-
3	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	mg/l	69	500
4	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	11	-
5	Clorua	SMEWW 4500-Cl.B:2017	mg/l	16,7	250
6	Chi	SMEWW 3113B:2017	mg/l	< 0,002	0,01
7	Xianua	SMEWW 4500-CN.C&E:2017	mg/l	< 0,003	0,01
8	Sunfat	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2017	mg/l	9	400
9	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/l	< 0,03	5
10	Mangan	SMEWW 3111B:2017	mg/l	0,13	0,5
11	Thủy ngân	TCVN 7877:2008	mg/l	< 0,4x10 ⁻³	0,001
12	Fecal Coli*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	< 1,8	-
13	Coliform*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	< 1,8	3

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;

- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

- Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);

- (-): Không quy định.

Vị trí lấy mẫu: - N₃(NN₃₄₈): Nước giếng đào khu dân cư cạnh Nhà máy.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 02 tháng 6 năm 2023.



Đặng Minh Hoàng

Số: 153 /TNK - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số: 1/3

No:

TEST REPORT

Page:

- Tên mẫu:** Môi trường không khí.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
- Vị trí quan trắc:** 03.
- Ki hiệu:** K₁ - K₃.
- Ngày nhận mẫu:** 06/10/2023.
- Ngày phân tích:** 06 - 16/10/2023.
- Kết quả:**

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả		
				K ₁	K ₂	K ₃
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	32	32	33
2	CO	HD-TN-CO	µg/m ³	< 3.000	< 3.000	< 3.000
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/m ³	76,8	53,9	53,9
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/m ³	44,4	32,4	30,8
5	Tổng Bụi lơ lửng	TCVN 5067: 1995	µg/m ³	71	64	54

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.

- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí quan trắc:

- K₁(K₆₉₈): Tại khu vực tập kết nguyên liệu của Nhà máy;
- K₂(K₆₉₉): Tại khu vực rửa củ và giã;
- K₃(K₇₀₀): Tại khu vực văn phòng.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 16 tháng 10 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

Số: 159 /TNK - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 2/3

No:

Page:

- Tên mẫu:** Môi trường không khí.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2023
tại Nhà máy tinh bột Long Giang
- Vị trí quan trắc:** 03.
- Kí hiệu:** K₄ - K₆.
- Ngày nhận mẫu:** 06/10/2023.
- Ngày phân tích:** 06 - 16/10/2023.
- Kết quả:**

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả		
				K ₄	K ₅	K ₆
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	⁰ C	33	34	34
2	CO	HD-TN-CO	µg/m ³	< 3.000	< 3.000	< 3.000
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/m ³	53,1	67,8	52,4
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/m ³	30,8	38,6	32,6
5	Tổng Bụi lơ lửng	TCVN 5067: 1995	µg/m ³	52	56	54

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.

- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí quan trắc:

- K₄(K₇₀₁): Tại khu dân cư gần nhất về phía Đông Nam nhà máy;
- K₅(K₇₀₂): Tại khu vực mài nghiền tinh;
- K₆(K₇₀₃): Tại khu vực ống khói lò sấy.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory



Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 16 tháng 10 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

Số: 159 /TNK - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 3/3

No:

Page:

- Tên mẫu:** Môi trường không khí.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
- Vị trí quan trắc:** 03.
- Kí hiệu:** K₇ - K₉.
- Ngày nhận mẫu:** 06/10/2023.
- Ngày phân tích:** 06 - 16/10/2023.
- Kết quả:**

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả		
				K ₇	K ₈	K ₉
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	34	33	33
2	CO	HD-TN-CO	µg/m ³	< 3.000	< 3.000	< 3.000
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/m ³	51,5	61,6	56,9
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/m ³	31,8	33,4	32,5
5	Tổng Bụi lơ lửng	TCVN 5067: 1995	µg/m ³	63	64	65

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.
- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí quan trắc:

- K₇(K₇₀₄): Tại khu vực đóng bao;
- K₈(K₇₀₅): Tại khu vực sân phơi;
- K₉(K₇₀₆): Tại khu xử lý nước thải.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory



Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 16 tháng 10 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng



Số: 24/TNK-QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

Page:

No:

- Tên mẫu:** Tiếng ồn (Trung bình giờ)
- Khách hàng:** Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ I, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
- Số điểm đo:** 09
- Ngày quan trắc:** 4/10/2023
- Kết quả:**

TT	Vị trí	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả (dBA)	TCVN 3985:1999	QCVN 26:2010 /BTNMT
1	Tại khu vực tập kết nguyên liệu của nhà máy	TCVN 7878-2:2018	64,2	≤ 85	-
2	Tại khu vực rửa củ và giã		62,4	≤ 85	-
3	Tại khu vực văn phòng		60,1	≤ 65	-
4	Tại khu dân cư gần nhất về phía Đông Nam nhà máy		61,2	-	≤ 70
5	Tại khu vực mài nghiền tinh		63,4	≤ 85	-
6	Tại ống khói lò sấy		64,2	≤ 85	-
7	Khu vực đóng bao		63,1	≤ 85	-
8	Khu vực sân phơi		62,8	≤ 85	-
9	Khu xử lý nước thải		63,7	≤ 85	-

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm đo.

(-) Không quy định.

Đồng Hới, ngày 16 tháng 10 năm 2023.

Trưởng phòng Quan trắc
Head of Monitor

Đinh Xuân Trường

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Nước mặt.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
3. Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
4. Số lượng mẫu: 02.
5. Ngày nhận mẫu: 06/10/2023.
6. Ngày phân tích: 06 - 16/10/2023.
7. Mẫu do khách hàng gửi:
8. Mẫu do Phòng Quan trắc môi trường lấy:
9. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	
				M ₁	M ₂
1	pH	TCVN 6492:2011		7,28	7,21
2	Ôxy hòa tan	TCVN 7325:2016	mg/l	6,54	6,73
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	mg/l	6,8	6,4
4	Tổng chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	15	13
5	BOD ₅	SMEWW 5210D:2017	mg/l	4,8	7,8
6	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	8,3	12,5
7	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,06	0,08
8	Nitrit (tính theo N)	TCVN 6178:1996	mg/l	<0,02	<0,02
9	Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/l	0,36	0,36
10	Tổng nitơ	TCVN 6624-2:2000	mg/l	1,0	1,1
11	Tổng dầu mỡ*	SMEWW 5520-B:2017	mg/l	<0,3	<0,3
12	E.Coli*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	<1,8	<1,8
13	Coliform*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	140	120

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);
- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí lấy mẫu:

- M₁ (NM₇₀₈): Nước mặt sông Lệ Kỳ cách điểm tiếp nhận nước thải khoảng 150m về phía thượng nguồn.
- M₂ (NM₇₀₉): Nước mặt sông Lệ Kỳ cách điểm tiếp nhận nước thải khoảng 300m về phía hạ nguồn.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory


Nguyễn Như Sáng

Đồng Hải, ngày 16 tháng 10 năm 2023.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR




Đặng Minh Hoàng

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Nước thải chế biến tinh bột sắn.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
3. Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
4. Số lượng mẫu: 02.
5. Ngày nhận mẫu: 06/10/2023.
6. Ngày phân tích: 06 - 16/10/2023.
7. Mẫu do khách hàng gửi:
8. Mẫu do Phòng Quan trắc môi trường lấy:
9. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	
				T ₁	T ₂
1	pH	TCVN 6492:2011		6,72	6,98
2	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	22	19
3	BOD ₅	SMEWW 5210D:2017	mg/l	220	5,1
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	416	8,3
5	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	6,51	1,14
6	Nitrit (tính theo N)	TCVN 6178:1996	mg/l	0,03	<0,02
7	Nitrat (tính theo N)*	US EPA Method 352.1	mg/l	1,42	0,91
8	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/l	6,24	0,29
9	Chì	SMEWW 3113B:2017	mg/l	<0,002	<0,002
10	Xianua	SMEWW 4500-CNC&E:2017	mg/l	0,101	<0,003
11	Tổng dầu mỡ*	SMEWW 5520-B:2017	mg/l	<0,3	<0,3
12	Coliforms*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2.700	2.100

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);
- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

Vị trí lấy mẫu: - T₁ (NT₇₇₃): Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.
- T₂ (NT₇₇₄): Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 16 tháng 10 năm 2023.



GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Đặng Minh Hoàng

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1
Page:

- Nước dưới đất.
- Tên mẫu:
 - Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
 - Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2023 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
 - Số lượng mẫu: 02.
 - Ngày nhận mẫu: 06/10/2023.
 - Ngày phân tích: 06 - 16/10/2023.
 - Mẫu do khách hàng gửi:
 - Mẫu do Phòng Quan trắc môi trường lấy:
 - Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả		
				N ₁	N ₂	N ₃
1	pH	TCVN 6492:2011		6,82	6,56	6,73
2	Độ màu*	TCVN 6185:2015	mg/l Pt-Co	< 3	< 3	< 3
3	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	mg/l	83	16	21
4	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	7	6	5
5	Clorua	SMEWW 4500-Cl.B:2017	mg/l	15,3	17,4	16,7
6	Chi	SMEWW 3113B:2017	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002
7	Xianua	SMEWW 4500-CN.C&E:2017	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003
8	Sunfat	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2017	mg/l	5	5	6
9	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/l	< 0,03	< 0,03	< 0,03
10	Mangan	SMEWW 3111B:2017	mg/l	< 0,03	0,04	< 0,03
11	Thủy ngân	TCVN 7877:2008	mg/l	< 0,4x10 ⁻³	< 0,4x10 ⁻³	< 0,4x10 ⁻³
12	Fecal Coli*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	< 1,8	< 1,8	< 1,8
13	Coliform*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	< 1,8	< 1,8	< 1,8

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;

- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

- Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061).

Vị trí lấy mẫu: - N₁(NN₇₇₀): Nước giếng khoan trong khuôn viên Nhà máy.

- N₂(NN₇₇₁): Nước giếng đào nhà bà Lê Thị Diệu cách Nhà máy khoảng 150m về phía Đông Nam.

- N₃(NN₇₇₂): Nước giếng đào khu dân cư cạnh Nhà máy

Đồng Hới, ngày 16 tháng 10 năm 2023.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng



Đặng Minh Hoàng



Số: 66 /TNK - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số: 1/3

No:

TEST REPORT

Page:

1. Tên mẫu: Môi trường không khí.
2. Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
3. Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
4. Vị trí quan trắc: 03.
5. Kí hiệu: K₁ - K₃.
6. Ngày nhận mẫu: 29/5/2024.
7. Ngày phân tích: 29/5 - 11/6/2024.
8. Kết quả:

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả		
				K ₁	K ₂	K ₃
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	29	29	30
2	CO	HD-TN-CO	µg/Nm ³	< 3.000	< 3.000	< 3.000
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	75,2	73,5	78,8
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	43,9	42,2	44,9
5	Tổng Bụi lơ lửng	TCVN 5067: 1995	µg/Nm ³	170	160	170

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.

- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí quan trắc:

- K₁(K₂₇₃): Tại khu vực tập kết nguyên liệu của Nhà máy;
- K₂(K₂₇₄): Tại khu vực rửa củ và giã;
- K₃(K₂₇₅): Tại khu vực văn phòng.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory


Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 11 tháng 6 năm 2024.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR




Đặng Minh Hoàng

Số: 66 /TNK - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số: 2/3

No:

TEST REPORT

Page:

- Tên mẫu:** Môi trường không khí.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
- Vị trí quan trắc:** 03.
- Kí hiệu:** K₄ - K₆.
- Ngày nhận mẫu:** 29/5/2024.
- Ngày phân tích:** 29/5 - 11/6/2024.
- Kết quả:**

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả		
				K ₄	K ₅	K ₆
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	30	31	31
2	CO	HD-TN-CO	µg/Nm ³	< 3.000	< 3.000	< 3.000
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	71,2	71,4	78,2
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	41,5	40,8	45,1
5	Tổng Bụi lơ lửng	TCVN 5067: 1995	µg/Nm ³	160	160	180

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.

- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí quan trắc:

- K₄(K₂₇₆): Tại khu dân cư gần nhất về phía Đông Nam nhà máy;
- K₅(K₂₇₇): Tại khu vực mài nghiền tinh;
- K₆(K₂₇₈): Tại khu vực ống khói lò sấy.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory



Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 11 tháng 6 năm 2024.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

Số: 66 /TNK - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số: 3/3

No:

TEST REPORT

Page:

- Tên mẫu:** Môi trường không khí.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2024
tại Nhà máy tinh bột Long Giang
- Vị trí quan trắc:** 03.
- Kí hiệu:** K₇ - K₉.
- Ngày nhận mẫu:** 29/5/2024.
- Ngày phân tích:** 29/5 - 11/6/2024.
- Kết quả:**

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả		
				K ₇	K ₈	K ₉
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	32	31	31
2	CO	HD-TN-CO	µg/Nm ³	< 3.000	< 3.000	< 3.000
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	67,4	69,7	72,3
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	37,5	39,1	40,8
5	Tổng Bụi lơ lửng	TCVN 5067: 1995	µg/Nm ³	160	160	170

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.
- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí quan trắc:

- K₇(K₂₇₉): Tại khu vực đóng bao;
- K₈(K₂₈₀): Tại khu vực sân phơi;
- K₉(K₂₈₁): Tại khu xử lý nước thải.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 11 tháng 6 năm 2024.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

Số: 84 /TNK- QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Trang số: 1/1

No:

Page:

- Tên mẫu:** Tiếng ồn (Trung bình giờ)
- Khách hàng:** Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ I, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
- Số điểm đo:** 09
- Ngày quan trắc:** 28/5/2024
- Kết quả:**

TT	Vị trí	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả (dBA)	TCVN 3985:1999	QCVN 26:2010 /BTNMT
1	Tại khu vực tập kết nguyên liệu của nhà máy	TCVN 7878-2:2018	70,6	85	-
2	Tại khu vực rửa củ và giã		73,5	85	-
3	Tại khu vực văn phòng		62,8	65	-
4	Tại khu dân cư gần nhất về phía Đông Nam nhà máy		51,4	-	70
5	Tại khu vực mài nghiền tinh		73,1	85	-
6	Tại ống khói lò sấy		74,6	85	-
7	Khu vực đóng bao		71,5	85	-
8	Khu vực sản phoi		67,2	85	-
9	Khu xử lý nước thải		56,8	85	-

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm đo.

Đồng Hới, ngày 3 tháng 6 năm 2024.

Trưởng phòng Quan trắc
Head of Monitor



Dinh Xuân Trường

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR^o



Đặng Minh Hoàng



Số: 149/TNN-QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

Page:

1. Tên mẫu: Nước mặt.
 2. Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
 Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
 3. Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
 4. Số lượng mẫu: 02.
 5. Ngày nhận mẫu: 29/5/2024. 6. Ngày phân tích: 29/5 - 11/6/2024.
 7. Mẫu do khách hàng gửi: 8. Mẫu do Phòng Quan trắc môi trường lấy:
 9. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	
				M ₁	M ₂
1	pH	TCVN 6492:2011		7,21	7,34
2	Ôxy hòa tan	TCVN 7325:2016	mg/l	6,28	6,39
3	Độ đục	TCVN 6184:2008	mg/l	7,2	7,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	17	16
5	BOD ₅	SMEWW 5210D:2017	mg/l	12,5	9,7
6	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	20,8	16,6
7	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,15	0,2
8	Nitrit (tính theo N)	TCVN 6178:1996	mg/l	<0,02	<0,02
9	Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/l	0,43	0,38
10	Tổng nitơ	TCVN 6624-2:2000	mg/l	0,8	<0,8
11	Tổng dầu mỡ*	SMEWW 5520-B:2017	mg/l	<0,3	<0,3
12	E.Coli**	SMEWW 9221B&E:2017	MPN/100ml	KPH	KPH
13	Coliform**	SMEWW 9221B&E:2017	MPN/100ml	2.000	2.100

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;
 - Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);
 - Chỉ tiêu đánh dấu (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 079);
 - Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
 - KPH: Không phát hiện.

Vị trí lấy mẫu:

- M₁ (NM₃₄₅): Nước mặt sông Lệ Kỳ cách điểm tiếp nhận nước thải khoảng 150m về phía thượng nguồn.
 - M₂ (NM₃₄₆): Nước mặt sông Lệ Kỳ cách điểm tiếp nhận nước thải khoảng 300m về phía hạ nguồn.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 11 tháng 6 năm 2024.



Đặng Minh Hoàng



Số: 51 /TNN-QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1
Page:

1. Tên mẫu: Nước thải chế biến tinh bột sắn.
 2. Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
 Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
 3. Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
 4. Số lượng mẫu: 02.
 5. Ngày nhận mẫu: 29/5/2024. 6. Ngày phân tích: 29/5 - 11/6/2024.
 7. Mẫu do khách hàng gửi: 8. Mẫu do Phòng Quan trắc môi trường lấy:
 9. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	
				T ₁	T ₂
1	pH	TCVN 6492:2011		7,37	6,89
2	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	160	47
3	BOD ₅	SMEWW 5210D:2017	mg/l	192	26,2
4	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	561,5	41,6
5	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	100,8	19,25
6	Nitrit (tính theo N)	TCVN 6178:1996	mg/l	0,67	0,03
7	Nitrat (tính theo N)*	US EPA Method 352.1	mg/l	1,45	0,92
8	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/l	17,61	0,92
9	Chi	SMEWW 3113B:2017	mg/l	< 0,002	< 0,002
10	Xianua	SMEWW 4500-CNC&E:2017	mg/l	0,042	< 0,003
11	Tổng dầu mỡ*	SMEWW 5520-B:2017	mg/l	< 0,3	< 0,3
12	Coliforms**	SMEWW 9221B&E:2017	MPN/100ml	1.100	1.300.000

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;
 - Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);
 - Chỉ tiêu đánh dấu (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 079);
 - Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
 Vị trí lấy mẫu: - T₁ (NT₃₅₀): Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.
 - T₂ (NT₃₅₁): Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 11 tháng 6 năm 2024.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

Page:

Số: 151 /TNN-QTMT

No:

1. Tên mẫu: Nước dưới đất.
 2. Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
 Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
 3. Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng đầu năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang
 4. Số lượng mẫu: 03.
 5. Ngày nhận mẫu: 29/5/2024. 6. Ngày phân tích: 29/5 - 11/6/2024.
 7. Mẫu do khách hàng gửi: 8. Mẫu do Phòng Quan trắc môi trường lấy:
 9. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả		
				N ₁	N ₂	N ₃
1	pH	TCVN 6492:2011		6,68	6,72	6,54
2	Độ màu*	TCVN 6185:2015	mg/l Pt-Co	< 3	< 3	< 3
3	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	mg/l	85	113	58
4	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:2000	mg/l	7	7	6
5	Clorua	SMEWW 4500-Cl.B:2017	mg/l	13,5	14,9	12,1
6	Chi	SMEWW 3113B:2017	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002
7	Xianua	SMEWW 4500-CN.C&E:2017	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003
8	Sunfat	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2017	mg/l	4	3	5
9	Sắt	SMEWW 3111B:2017	mg/l	< 0,03	< 0,03	< 0,03
10	Mangan	SMEWW 3111B:2017	mg/l	< 0,03	< 0,03	< 0,03
11	Thùy ngân**	US EPA Method 200.8	mg/l	< 0,0003	< 0,0003	< 0,0003
12	Fecal Coli**	TCVN 6187-1: 2019	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH
13	Coliforms**	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100ml	KPH	3	1

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;
 - Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
 - Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);
 - Chỉ tiêu đánh dấu (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 079);
 - KPH: Không phát hiện.

Vị trí lấy mẫu: - N₁(NN₃₄₇): Nước giếng khoan trong khuôn viên Nhà máy;
 - N₂(NN₃₄₈): Nước giếng đào nhà bà Lê Thị Diệu cách Nhà máy khoảng 150m về phía Đông Nam;
 - N₃(NN₃₄₉): Nước giếng đào khu dân cư cạnh Nhà máy.

Đồng Hới, ngày 11 tháng 6 năm 2024.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng





Số: 158 /TNK - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/2

No:

Page:

- Tên mẫu: Môi trường không khí.
- Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
- Vị trí quan trắc: 05.
- Kí hiệu: K₁ - K₅.
- Ngày nhận mẫu: 27/11/2024.
- Ngày phân tích: 27/11 - 09/12/2024.
- Kết quả:

TT	Chi tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả					QCVN05:2023/ BTNMT
				K ₁	K ₂	K ₃	K ₄	K ₅	Giá trị giới hạn
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	25	26	26	25	26	-
2	Áp suất	QCVN 46:2022/BTNMT	hPA	1013,0	1013,0	1012,9	1012,8	1013,0	-
3	CO	SOP-QTMT-PT-CO	µg/Nm ³	<5.000	<5.000	<5.000	<5.000	<5.000	30.000
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	40,8	39,3	38,5	40,0	38,5	200
5	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	74,2	70,2	69,4	72,5	71,9	350
6	Bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	173	165	163	171	170	300

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.
- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí quan trắc:

- K₁(K₆₈₆): Tại khu vực tập kết nguyên liệu của Nhà máy;
- K₂(K₆₈₇): Tại khu vực rửa củ và giã;
- K₃(K₆₈₈): Tại khu vực văn phòng;
- K₄(K₆₈₉): Tại khu dân cư gần nhất về phía Đông Nam nhà máy;
- K₅(K₆₉₀): Tại khu vực mài nghiền tinh.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hải, ngày 09 tháng 12 năm 2024.



PGIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Đặng Minh Hoàng



Số: 48 /TNK - QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 2/2

Page:

- Tên mẫu: Môi trường không khí.
- Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
- Vị trí quan trắc: 05.
- Kí hiệu: K₆ - K₉.
- Ngày nhận mẫu: 27/11/2024.
- Ngày phân tích: 27/11 - 09/12/2024.
- Kết quả:

TT	Chỉ tiêu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị tính	Kết quả				QCVN05:2023/ BINMT
				K ₆	K ₇	K ₈	K ₉	Giá trị giới hạn
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	25	25	24	24	-
2	Áp suất	QCVN 46:2022/BTNMT	hPA	1013,0	1013,0	1013,0	1013,2	-
3	CO	SOP-QTMT-PT-CO	µg/Nm ³	<5.000	<5.000	<5000	<5.000	30.000
4	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	42,5	44,5	40,7	42,7	200
5	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	75,0	76,7	73,1	73,9	350
6	Bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	179	180	174	175	300

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra.
- Tên mẫu, vị trí quan trắc, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí quan trắc:

- K₆(K₆₉₁): Tại ống khói lò sấy.
- K₇(K₆₉₂): Tại khu vực đóng bao;
- K₈(K₆₉₃): Tại khu vực sân phơi;
- K₉(K₆₉₄): Tại khu xử lý nước thải.

Trưởng phòng Thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 09 tháng 12 năm 2024.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng



Số: 225/TNK-QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

No:

Page:

- Tên mẫu:** Tiếng ồn (Trung bình giờ)
- Khách hàng:** Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh
- Địa chỉ:** Thôn Lệ Kỳ I, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
- Số điểm đo:** 09
- Ngày quan trắc:** 26/11/2024
- Kết quả:**

TT	Vị trí	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả (dBA)	TCVN 3985:1999	QCVN 26:2010 /BTNMT
1	Tại khu vực tập kết nguyên liệu của nhà máy	TCVN 7878-2:2018	67,5	85	-
2	Tại khu vực rửa củ và giã		68,2	85	-
3	Tại khu vực văn phòng		60,1	65	-
4	Tại khu dân cư gần nhất về phía Đông Nam nhà máy		57,2	-	70
5	Tại khu vực mài nghiền tinh		73,6	85	-
6	Tại ống khói lò sấy		72,8	85	-
7	Khu vực đóng bao		70,1	85	-
8	Khu vực sân phơi		63,9	85	-
9	Khu xử lý nước thải		56,8	85	-

Ghi chú: Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm đo.

Đồng Hới, ngày 16 tháng 12 năm 2024.

Trưởng phòng Quan trắc
Head of Monitor

Đinh Xuân Trường

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR^o



Đặng Minh Hoàng



Số: 596 /TNN-QTMT
No:

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1
Page:

- Tên mẫu:** Nước mặt.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
- Số lượng mẫu:** 02.
- Ngày nhận mẫu:** 27/11/2024.
- Ngày phân tích:** 27/11 - 09/12/2024.
- Mẫu do khách hàng gửi:**
- Mẫu do Phòng QTMT lấy:**
- Kết quả phân tích:**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	
				M ₁	M ₂
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,23	7,19
2	Ôxy hòa tan	TCVN 7325:2016	mg/l	6,19	6,34
3	Độ đục	SMEWW 2130B:2023	mg/l	44,6	41,2
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	15	13
5	BOD ₅	TCVN 6001-1:2021	mg/l	6,8	6,6
6	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	11,4	9,8
7	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0,18	0,19
8	Nitrit (tính theo N)	TCVN 6178:1996	mg/l	0,007	0,007
9	Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/l	0,38	0,41
10	Tổng nitơ	TCVN 6624-2:2000	mg/l	1,1	1,0

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;
- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí lấy mẫu:

- M₁ (NM₈₀₆): Nước mặt sông Lệ Kỳ cách điểm tiếp nhận nước thải khoảng 150m về phía thượng nguồn.
- M₂ (NM₈₀₇): Nước mặt sông Lệ Kỳ cách điểm tiếp nhận nước thải khoảng 300m về phía hạ nguồn.

Đồng Hới, ngày 09 tháng 12 năm 2024.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng



Số: 44/TNN-QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

Page:

1. Tên mẫu: Nước mặt.
 2. Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
 Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
 3. Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
 4. Số lượng mẫu: 02.
 5. Ngày nhận mẫu: 27/11/2024. 6. Ngày phân tích: 27/11 - 12/12/2024.
 7. Mẫu do khách hàng gửi: 8. Mẫu do Phòng QTMT lấy:
 9. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả	
				M ₁	M ₂
1	Tổng dầu mỡ*	SMEWW 5520B:2017	mg/l	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)
2	E.Coli*	SMEWW 9221F:2017	MPN/100ml	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)
3	Coliform*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	3,5x10 ³	3x10 ³

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;
 - Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 032);
 - Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí lấy mẫu:

- M₁ (NM₅₀₆): Nước mặt sông Lệ Kỳ cách điểm tiếp nhận nước thải khoảng 150m về phía thượng nguồn.
 - M₂ (NM₅₀₇): Nước mặt sông Lệ Kỳ cách điểm tiếp nhận nước thải khoảng 300m về phía hạ nguồn.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 25 tháng 12 năm 2024.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Đặng Minh Hoàng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1
Page:

Số 573 /TNN- QTMT

- Tên mẫu: Nước dưới đất.
- Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
- Số lượng mẫu: 03.
- Ngày nhận mẫu: 27/11/2024.
- Ngày phân tích: 27/11 - 09/12/2024.
- Mẫu do khách hàng gửi:
- Mẫu do Phòng QTMT lấy:
- Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả			QCVN09-MT:2023/BTNMT
				N ₁	N ₂	N ₃	Giá trị giới hạn
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,67	6,84	6,59	5,8-8,5
3	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	mg/l	66	28	35	500
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	7	6	7	-
5	Clorua(Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/l	10,3	11,0	12,1	250
6	Xianua(CN ⁻)	SMEWW 4500-CN.C&E:2023	mg/l	<0,002	<0,002	<0,002	0,01
7	Sunfat(SO ₄ ²⁻)	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2023	mg/l	4	7	8	400
8	Sắt(Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,03	0,05	0,05	5

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;
- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí lấy mẫu:

- N₁(NN₈₀₈): Nước giếng khoan trong khuôn viên Nhà máy;
- N₂(NN₈₀₉): Nước giếng đào nhà bà Lê Thị Diệu cách Nhà máy khoảng 150m về phía Đông Nam.;
- N₃(NN₈₁₀): Nước giếng đào khu dân cư cạnh Nhà máy.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 09 tháng 12 năm 2024.

P. GIÁM ĐỐC
DEPARTMENT DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng

QT.15-BM02



Số: 45 /TNN- QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

No:

Page:

- Tên mẫu: Nước dưới đất.
- Khách hàng: Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
- Số lượng mẫu: 03.
- Ngày nhận mẫu: 27/11/2024.
- Ngày phân tích: 27/11 - 09/12/2024.
- Mẫu do khách hàng gửi:
- Mẫu do Phòng QTMT lấy:
- Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả			QCVN 09-MT:2015/BTNMT
				N ₁	N ₂	N ₃	Giá trị giới hạn
1	Độ màu*	SMEWW 2120C:2017	Pt-Co	KPH (MDL=5)	KPH (MDL=5)	93	-
2	Chi*	SMEWW 3125B:2017	mg/l	KPH (MDL=0,0001)	KPH (MDL=0,0001)	KPH (MDL=0,0001)	0,01
3	Mangan*	SMEWW 3111B:2017	mg/l	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	0,5
4	Thùy ngân*	SMEWW 3125B:2017	mg/l	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,001
5	Coliform*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	50	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	3

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu được kiểm tra;
- Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 032);
- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, tên khách hàng, mục đích được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

Vị trí lấy mẫu:

- N₁(NN₈₀₈): Nước giếng khoan trong khuôn viên Nhà máy;
- N₂(NN₈₀₉): Nước giếng đào nhà bà Lê Thị Diệu cách Nhà máy khoảng 150m về phía Đông Nam.;
- N₃(NN₈₁₀): Nước giếng đào khu dân cư cạnh Nhà máy.

Đồng Hới, ngày 25 tháng 12 năm 2024.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Đặng Minh Hoàng





Số: ~~588~~ /TNN-QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

No:

Page:

- Tên mẫu:** Nước thải chế biến tinh bột sắn.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
- Số lượng mẫu:** 02.
- Ngày nhận mẫu:** 27/11/2024.
- Ngày phân tích:** 27/11 - 09/12/2024.
- Mẫu do khách hàng gửi:**
- Mẫu do Phòng QTMT lấy:**
- Kết quả phân tích:**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả		QCVN 63-MT:2017/BTNMT	
						Giá trị C	
				T ₁	T ₂	A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,29	7,03	6-9	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng(TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	78	56	50	100
3	BOD ₅	TCVN 6001-1:2021	mg/l	220,2	47,1	30	50
4	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	435,7	94,7	100	250
5	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	79,2	44,55	-	-
6	Nitrit (tính theo N)	TCVN 6178:1996	mg/l	0,091	1,054	-	-
7	Nitrat (tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ E:2023	mg/l	0,17	6,48	-	-
8	Sắt(Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	7,12	1,54	-	-
9	Xianua(CN)	SMEWW 4500-CNC&E:2023	mg/l	1,148	0,002	0,07	0,1

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;

- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí lấy mẫu: - T₁ (NT₈₁₁): Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.;

- T₂ (NT₈₁₂): Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 09 tháng 12 năm 2024.



Đặng Minh Hoàng



Số: 4L /TNN- QTMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang số: 1/1

No:

Page:

- Tên mẫu:** Nước thải chế biến tinh bột sắn.
- Khách hàng:** Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh.
Địa chỉ: Thôn Lệ Kỳ 1, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
- Mục đích:** Báo cáo kết quả quan trắc môi trường 6 tháng cuối năm 2024 tại Nhà máy tinh bột Long Giang.
- Số lượng mẫu:** 02.
- Ngày nhận mẫu:** 27/11/2024.
- Ngày phân tích:** 27/11 - 12/12/2024.
- Mẫu do khách hàng gửi:**
- Mẫu do Phòng QTMT lấy:**
- Kết quả phân tích:**

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả		QCVN 63-MT:2017/BTNMT	
				T ₁	T ₂	Giá trị C	
						A	B
1	Chi*	SMEWW 3125B:2017	mg/l	0,0286	0,002	-	-
2	Tổng dầu mỡ**	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	2,3	0,93	-	-
3	Coliform*	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2,5x10 ⁶	3,5x10 ⁵	3.000	5.000

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra;

- Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 032);

- Chỉ tiêu đánh dấu (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 061);

- Tên mẫu, vị trí lấy mẫu, mục đích, tên khách hàng được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Vị trí lấy mẫu: - T₁ (NT₈₁₁): Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.;

- T₂ (NT₈₁₂): Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

Trưởng Phòng thí nghiệm
Head of Environmental Laboratory

Nguyễn Như Sáng

Đồng Hới, ngày 25 tháng 12 năm 2024.

P. GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Đặng Minh Hoàng